

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HÀ TRUNG HIỆU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ PHÂN	8/29/1959	WIFE
HÀ MY ANH	12/22/1986	Daughter.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME ABOVE

6. ADDITIONAL INFORMATION : Số quân . 69/137708
nhà ở đây là và gia đình.

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HA TRUNG HIEN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : November 20 1949
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X YES
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 93/6 - P. 17 XO VIET NGHE TINH
 (Dia chi tai Viet-Nam) QUAN BINH THANH - TP HCM - VIET NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 6/1975 To (Den): 7/1984

PLACE OF RE-EDUCATION: LONG GIAO - HOANG LIEN SON - VINH PHU - HAM TAN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): QUAN NHAN

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại úy
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position, (Chuc vu): CHI ĐOÀN TRƯỞNG / TP IP KB
Thiết giáp Date (nam): 3/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 2
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 93/6 P. 17 XO VIET NGHE TINH
TP. HCM - VIET NAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN THAI QUANG

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): YES No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____ COUSIN

NAME & SIGNATURE: NGUYEN THAI QUANG [Signature]
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: 5 18 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HA TRUNG HIEU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI PHAN	8/29/1959	WIFE
HA MY ANH	12/22/1986	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME ABOVE

6. ADDITIONAL INFORMATION : Hồ quân của HA TRUNG HIEU : 69/137708
kính kèm hồ sơ của trường sẽ và gia đình

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu số HT3/P2

XI, Thị trấn: Phước 13

Thị xã, Quận: phố Nhuận

Thành phố, Tỉnh: HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 05
Quyển số 1/87

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>HÀ MỸ ANH</u>	Nam, nữ <u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi hai tháng mười hai năm một chín tám sáu - 22/12/1986</u>	
Nơi sinh	<u>Nhà hảo sanh Quận 3</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>HÀ TRUNG HIỀU</u> <u>1949</u>	<u>NGUYỄN THỊ PHẤN</u> <u>1959</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ Xây</u>	<u>Công nhân</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tạm trú 93/6 Xô viết nghệ Tỉnh-PI7-BT.</u>	<u>115/152 Lê văn sỹ Phước 13-Quận PN.</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>NGUYỄN THỊ PHẤN</u> <u>020274787</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 13 tháng 01 năm 198 7
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 13 tháng 01 năm 198 7

TM UBND Phước 13 ký tên đóng dấu



Chánh Văn Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường 17

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

QB số

Huyện, Quận Định Bình

Ngày

Tỉnh, Thành phố HCM

Số 57

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Hà Trung Hiếu

Nguyễn Thị Khanh

Bí danh

Sinh ngày tháng 20/11/1949

29/08/1959

năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Quốc tịch Nhân

Nghề nghiệp Chợ Vải

Nam

Công nhân

Nơi đăng ký 03/6 Xã Vĩnh Nghi

115/152 Xã Vĩnh Nghi

nhân khẩu trình bày đi

115/152 Xã Vĩnh Nghi

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

0000 74988

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 20 tháng 12 năm 1985

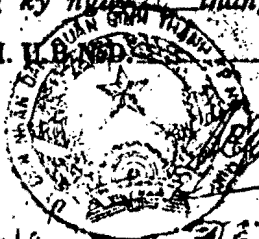
Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Đinh Khanh

Hà Trung Hiếu



HÀ TRUNG HIẾU

Nguyễn Thị Khanh

Đinh Khanh

Số biểu

G10

NAISSANCE

Số

(1)

Nom et prénom de l'enfant. Tên họ đứa con nít	Hà Trung Nguyên
Son sexe. Nam, nữ	Con trai
Date de naissance Sanh ngày nào	20. November 1949
Lieu de naissance Sanh tại chỗ nào	Chau Mỹ Tây
Nom et prénom de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué). Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	Hà Văn Đăng
Sa profession. Cha làm nghề gì	Lưu hàng buôn
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Chau Mỹ Tây
Nom et prénom de sa mère Tên, họ mẹ	Lê Thị Trần
Sa profession. Mẹ làm nghề gì	Lưu việc nhà
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Chau Mỹ Tây
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Nom et prénom du déclarant Tên họ người khai	Hà Văn Đăng
Son âge. Mấy tuổi	37 tuổi
Sa profession. Làm nghề gì	Lưu hàng buôn
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Chau Mỹ Tây
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Lê Thị Lai
Son âge. Mấy tuổi	40 tuổi
Sa profession. Làm nghề gì	Lưu việc nhà
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Chau Mỹ Tây
Nom et prénom du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Lê Thị Sáu
Son âge. Mấy tuổi	38 tuổi
Sa profession. Làm nghề gì	Lưu việc nhà
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Chau Mỹ Tây

Số lục y theo bôn năm 1949

Thị trấn Mỹ Tây, le 8-8-53

Ủy Viên H.G. Tích

Nguyễn Văn Lãnh

Tổng thư ký

NGUYEN-VAN-THU

NAM-VIET

Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état civil.

ANG THANH-KY-TAY

(1) Là chữ để mà lược biên án tòa cái giấy khai sanh.

Chau Mỹ Tây

Giống 13

LE PONE

3 A Chau Mỹ Tây 20 November 1949

Le déclarant,
Người khai,

L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc coi bộ đời,

Les témoins,
Các người chứng,

Hà Văn Đăng Nguyễn Văn Lộc

Lê Thị Lai
Lê Thị Sáu

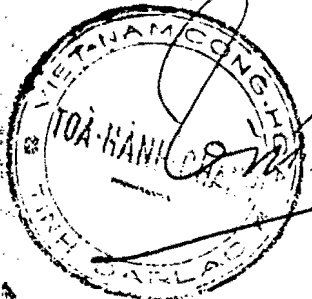
Nota. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.

Phát biểu. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

Số Hiệu: 02672/75

KHAI SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI: NGUYEN-THI-THAN
Phái: Nữ
Sanh: Ngày hai mươi chín tháng tám DL
(Ngày tháng năm) Năm một nghìn chín trăm năm mươi chín
Tại: Ban Y Viện Bernothuot
Cha: NGUYEN DOAN GAC
(Tên họ)
Tuổi: Ba mươi bốn tuổi
Nghề nghiệp: Quan nhân
Cư trú tại: KBC. 6.095
Mẹ: NGUYEN THI SON
(Tên họ)
Tuổi: Ba mươi lăm tuổi
Nghề nghiệp: Nội trợ
Cư trú tại: Bernothuot
Vợ chánh hay thứ: Chanh
Người khai: NGUYEN DOAN GAC
(Tên họ)
Tuổi: Ba mươi bốn tuổi
Nghề nghiệp: Quan nhân
Cư trú tại: KBC. 6.095
Ngày khai: Ngày 4 tháng 9 DL năm 1959
Người chứng thứ nhất: PHAM LIEN
(Tên họ)
Tuổi: Ba mươi bảy tuổi
Nghề nghiệp: Quan nhân
Cư trú tại: KBC. 6.095
Người chứng thứ nhì: QUACH DANG TANG
(Tên họ)
Tuổi: Hai mươi tám tuổi
Nghề nghiệp: Quan nhân
Cư trú tại: KBC. 6.095



GAO-DUY-TIN

Thị trấn chữ ký của

Hệ-Tịch xã lạc-Giao

Banmohuot, ngày 20/9/59

7/5/59

Làm tại Xa

Le-Gleo

ngày

4/9/

năm 19 59

Người Khai,

HỌ LẠI,

Nhân Chứng,

NGUYEN DOAN GAC

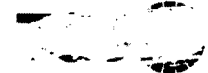
Ký tên và dấu: LE-VAN-TRIEU

PHAM LIEN

QUACH DANG TANG

TRUEN-LUC

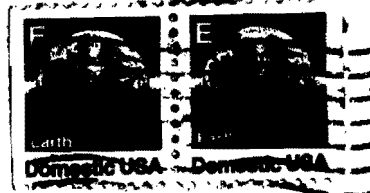
QUANG T. NGUYEN



1981

1981

MAY 26 1981



HOUSTON, TX 77072

TO: HỘI GIÀ ĐÌNH TỬ NHÂN C/T TẠI VN.

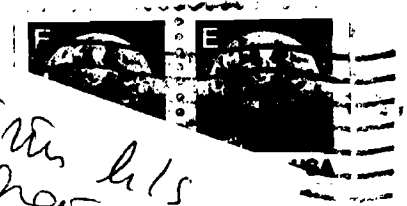
P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

h/b Hà Hùng Hiến

QUANG T NGUYEN

MAY 28 1981



HOUSTON, TX 77072

Tin h/s
h/s
h/s có thể

TO: HỘI GIẢI ĐỊCH TỰ NHÂN C/T in.

P.O BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

h/s h/s h/s